

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 6
(Từ ngày 6/5/2024 đến ngày 11/5/2024)

TIẾT 97

BÀI 20: SINH VẬT VÀ SỰ PHÂN BỐ CÁC ĐỚI TỰ NHIÊN. RỪNG NHIỆT ĐỚI

A. LÝ THUYẾT: (đã học ở tuần trước đó)

B. VÍ DỤ:

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Câu 1. Sinh vật trên Trái Đất tập trung chủ yếu ở?

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| A. đới ôn hòa và đới lạnh. | B. xích đạo và nhiệt đới. |
| C. đới nóng và đới ôn hòa. | B. đới lạnh và đới nóng. |

Câu 2. Rừng lá kim thường phân bố tương ứng với kiểu khí hậu nào sau đây?

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| A. Nhiệt đới ẩm gió mùa. | B. Ôn đới lục địa. |
| C. Ôn đới địa trung hải. | D. Ôn đới hải dương. |

Câu 3. Khí hậu nhiệt đới gió mùa có kiểu thảm thực vật chính nào sau đây?

- | | |
|------------------|-----------------------|
| A. Rừng hỗn hợp. | B. Rừng cận nhiệt ẩm. |
| C. Rừng lá rộng. | D. Rừng nhiệt đới ẩm. |

Câu 4. Những loài thực vật tiêu biểu ở miền cực có khí hậu lạnh giá là?

- | | | | |
|----------------|-----------------|----------------|------------------|
| A. cây lá kim. | B. cây lá cứng. | C. rêu, địa y. | D. sồi, dẻ, lim. |
|----------------|-----------------|----------------|------------------|

Câu 5. Các loài động vật nào sau đây thuộc loài động vật di cư?

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| A. Gấu trắng Bắc Cực. | B. Vượn cáo nhiệt đới. |
| C. Các loài chim. | D. Thú túi châu Phi. |

Câu 6. Rừng mưa nhiệt đới phân bố chủ yếu ở nơi có khí hậu?

- | | |
|------------------------------|---------------------------------|
| A. nóng, khô, lượng mưa nhỏ. | B. mưa nhiều, ít nắng, ẩm lớn. |
| C. nóng, ẩm, lượng mưa lớn. | D. ít mưa, khô ráo, nhiều nắng. |

Câu 7. Sự đa dạng của sinh vật được thể hiện ở sự đa dạng của?

- | | |
|-------------------|---------------------|
| A. số lượng loài. | B. môi trường sống. |
| C. nguồn cấp gen. | D. thành phần loài. |

Câu 8. Rừng nhiệt đới được chia thành hai kiểu chính nào sau đây?

- A. Rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa.
- B. Rừng mưa nhiệt đới và rừng cận nhiệt đới mùa.
- C. Rừng nhiệt đới ẩm và rừng nhiệt đới xích đạo.
- D. Rừng nhiệt đới khô và rừng cận nhiệt đới gió mùa.

Câu 9. Nhân tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất rõ nhất?

- A. Khí hậu.
- B. Thổ nhưỡng.
- C. Địa hình.
- D. Nguồn nước.

Câu 10. Rừng nhiệt đới phân bố chủ yếu ở?

- A. vùng cận cực.
- B. vùng ôn đới.
- C. hai bên chí tuyến.
- D. hai bên xích đạo.

Câu 11. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới ôn hòa?

- A. Gió Tín phong.
- B. Gió Đông cực.
- C. Gió Tây ôn đới.
- D. Gió Tây Nam.

Câu 12. Rừng nào sau đây được mệnh danh là “lá phổi xanh” của Trái Đất?

- A. Rừng cận nhiệt đới.
- B. Rừng ôn đới.
- C. Rừng nhiệt đới.
- D. Rừng lá kim.

Câu 13. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

- A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.
- B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.
- C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.
- D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

Câu 14. Khu vực nào sau đây có rừng nhiệt đới?

- A. Trung Mỹ.
- B. Bắc Á.
- C. Nam cực.
- D. Bắc Mỹ.

Câu 15. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

- A. Gió Tây ôn đới.
- B. Gió mùa.
- C. Gió Tín phong.
- D. Gió Đông cực.

Câu 16. Ở đới nào sau đây thiên nhiên thay đổi theo bốn mùa rõ nét nhất?

- A. Nhiệt đới.
- B. Cận nhiệt đới.
- C. Ôn đới.
- D. Hàn đới.

Câu 17. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh?

- A. Gió Tín phong.
- B. Gió Đông cực.
- C. Gió Tây ôn đới.
- D. Gió mùa.

Câu 18. Cảnh quan ở đới ôn hòa thay đổi theo?

- A. vĩ độ.
- B. kinh độ.
- C. độ cao.
- D. hướng núi.

Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu một số động vật bị suy giảm hiện nay là do?

A. Mở đường giao thông.

B. Thâm canh lúa nước.

C. Khai thác rừng bừa bãi.

D. Khai thác khoáng sản.

D. DẶN DÒ:

- Học thuộc lòng bài 20

- Làm bài tập trắc nghiệm

- Đọc trước bài 21: THỰC HÀNH TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA TÀI LIỆU VÀ THAM QUAN ĐỊA PHƯƠNG

TIẾT 98

Bài 21: THỰC HÀNH TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA TÀI LIỆU VÀ THAM QUAN ĐỊA PHƯƠNG

PHIẾU HỌC TẬP

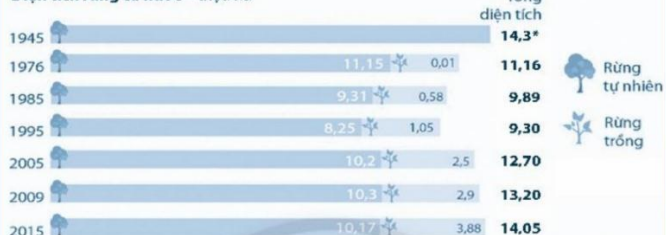
1. Liệt kê những hoạt động em sẽ làm để tìm hiểu, trải nghiệm và vận dụng thông qua tài liệu và tham quan địa phương.

Bước 1:.....	Bước 2:.....	Bước 3:.....
.....		
.....		
.....		
.....		

2. Dựa vào hộp nội dung hình 1 và 2, em hãy điền thông tin vào chỗ trống sau:

Biến động diện tích rừng Việt Nam qua các thời kì

Diện tích rừng cả nước – triệu ha



Tỉ lệ che phủ – %



Từ 1995 có cả rừng trồng mới

Diện tích rừng Tây Nguyên bị chặt phá nhiều nhất (1995 – 2009) – ha

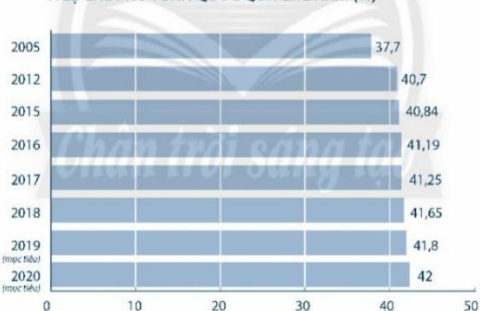


Tỉ lệ che phủ rừng toàn quốc năm 2020 đạt 42%

DIỆN TÍCH (ha) VÀ CƠ CẤU (%) TÍNH ĐẾN 31/12/2018 (%)



TỈ LỆ CHE PHỦ TOÀN QUỐC QUA CÁC NĂM (%)



- Diện tích rừng từ 1945- 2015 có xu hướng:.....
- Tỉ lệ che phủ rừng có xu hướng:.....
- Vùng có diện tích rừng bị chặt phá nhiều nhất thời kì 1995-2009:.....
- So sánh tổng diện tích rừng trồng và rừng tự nhiên tính đến năm 2018:.....
- Tỉ lệ che phủ rừng toàn quốc năm 2020 so với 2005:.....

NHẬT KÍ CÁ NHÂN
(sau khi xem video hoặc tham quan thực tế)

- Họ và tên: Lớp Nhóm:
- Nhiệm vụ trong tâm:

Ghi lại những hiểu biết của em môi trường và sự phát triển bền vững?

Những điều em muốn hiểu biết (hoặc còn thắc mắc) về mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, ảnh hưởng của việc phá vỡ mối quan hệ tự nhiên đến cuộc sống của con người?

Những điều em hiểu được sau khi quan sát thực tế?

Em cảm thấy hứng thú nhất với nội dung nào trong quá trình quan sát? Vì sao?

Theo em, mục đích (ý nghĩa) của bài học này là gì?

TIẾT 99**BÀI 22: DÂN SỐ VÀ SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ****A. LÝ THUYẾT:****I. Dân số trên thế giới**

- Năm 2018, thế giới có 7,6 tỉ dân, sống trong hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ.
- Số dân của các quốc gia rất khác nhau và luôn biến động.

II. Phân bố dân cư thế giới

- Phân bố dân cư và mật độ dân số thế giới thay đổi theo thời gian và không đều trong không gian
- Nơi đông dân: nơi kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi
- Nơi thưa dân: các vùng khí hậu khắc nghiệt (băng giá, hoang mạc khô hạn)

III. Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

STT	TÊN THÀNH PHỐ	QUỐC GIA	SỐ DÂN (Triệu người)
1	Tô-ky-ô	Nhật Bản	37,5
2	Niu Đê-li	Ấn Độ	28,5
3	Thượng Hải	Trung Quốc	25,6
4	Xao Pao-lô	Bra-xin	21,7
5	Mê-hi-cô Xi-ti	Mê-hi-cô	21,6
6	Cai-rô	Ai Cập	20,1
7	Mum-bai	Ấn Độ	20,0
8	Đắc-ca	Băng-la-đét	19,6
9	Bắc Kinh	Trung Quốc	19,6
10	Ô-xa-ca	Nhật Bản	19,3

***** Luyện tập - Vận dụng**



B. VÍ DỤ:

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Câu 1. Khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

- A. Nam Á.
- B. Tây Âu.
- C. Bắc Á.
- D. Bra-xin.

Câu 2. Những khu vực nào sau đây tập trung đông dân nhất trên thế giới?

- A. Bắc Á, Bắc Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ.
- B. Đông Âu, Đông Nam Á, Nam Mỹ.
- C. Nam Á, Bắc Á, Tây Nam Á, Tây Âu.
- D. Nam Á, Đông Á, Đông Bắc Hoa Kỳ.

Câu 3. Năm 2018 dân số thế giới khoảng

- A. 6,7 tỉ người.
- B. 7,2 tỉ người.
- C. 7,6 tỉ người.
- D. 6,9 tỉ người.

Câu 4. Ở châu Phi, dân cư tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Đông Phi.
- B. Tây Phi.
- C. Bắc Phi.
- D. Nam Phi.

Câu 5. Hai khu vực nào sau đây ở châu Á có mật độ dân số cao nhất?

- A. Bắc Á, Nam Á.
- B. Đông Nam Á, Tây Á.
- C. Nam Á, Đông Á.
- D. Đông Á, Tây Nam Á.

Câu 6. Dân cư trên thế giới thường tập trung đông ở đồng bằng là do

- A. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai (bão, hạn hán).
- B. có nhiều khoáng sản, nguồn nước phong phú.
- C. thuận lợi cho cư trú, giao lưu phát triển kinh tế.
- D. khí hậu mát mẻ, ổn định và tài nguyên đa dạng.

Câu 7. Châu lục nào sau đây tập trung đông dân nhất thế giới?

- A. Châu Á.
- B. Châu Mỹ.
- C. Châu Âu.
- D. Châu Phi.

Câu 8. Ở châu Á, dân cư tập trung đông ở khu vực nào?

- A. Tây Á.
- B. Trung Á.
- C. Bắc Á.
- D. Đông Á.

Câu 9. Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Miền núi, mỏ khoáng sản.
- B. Vùng đồng bằng, ven biển.
- C. Các thung lũng, hẻm vực.
- D. Các ốc đảo và cao nguyên.

Câu 10. Chức năng hoạt động kinh tế ở đô thị chủ yếu là

- A. công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- B. dịch vụ, xây dựng, thủ công nghiệp.
- C. dịch vụ, công nghiệp và xây dựng.
- D. nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Câu 11. Dân cư phân bố thưa thớt ở những khu vực nào sau đây?

- A. Các trục giao thông.
- B. Đồng bằng, trung du.
- C. Ven biển, ven sông.
- D. Hoang mạc, hải đảo.

Câu 12. Tháng 4/2021, dân số nước ta là 98,1 triệu người và nước ta có diện tích 331212 km². Vậy mật độ dân số ở nước ta vào thời điểm trên là

- A. 269 người/km².
- B. 298 người/km².
- C. 296 người/km².
- D. 289 người/km².

Câu 13. Châu lục nào sau đây tập trung nhiều siêu đô thị nhất trên thế giới?

- A. Châu Âu.
- B. Châu Á.
- C. Châu Mỹ.
- D. Châu Phi.

Câu 14. Siêu đô thị Bắc Kinh thuộc quốc gia nào dưới đây?

- A. Nhật Bản.
- B. Trung Quốc.
- C. Hàn Quốc.
- D. Triều Tiên.

Câu 15. Quá trình đô thị hóa trên thế giới có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn, cực lớn.
- B. Phổ biến các hoạt động sản xuất nông - lâm - ngư.
- C. Tỷ lệ người sống ở vùng nông thôn ngày càng tăng.
- D. Thất nghiệp ở đô thị và nông thôn ngày càng tăng.

D. DẶN DÒ:

- Học thuộc lòng bài 22
- Xem trước bài tập trắc nghiệm

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: LÊ THANH TUYỀN

SĐT: 0981979190